

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23- 9- 2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Hoàng Bá**– Phó Chủ tịch MTTQ huyện Vĩnh Thạnh;

2. Bà **Ngô Thị Phương Trang**– Nguyên cán bộ huyện đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Hạnh**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hà Thị Ngọc T**, sinh ngày 09/9/1997. Có mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, thành phố C.

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1979. Vắng mặt lần 2.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc Tiên trình bày và yêu cầu: Bà và ông Võ Văn H do tự quen biết, cùng yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào ngày 19/4/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố C vào ngày 27/01/2016. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn hôn nhân không hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông H có tính gia trưởng tự ý

quyết định mọi việc mà không trao đổi ý kiến với bà, không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên công việc làm ăn kinh tế tài chính gia đình luôn gặp khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Trong thời gian ly thân, cả hai không gặp nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung là Võ Thành Đ, sinh ngày 20/10/2015, Võ Quốc C, sinh ngày 21/11/2017 và Võ Thị Kim M, sinh ngày 28/4/2019. Hiện cả ba con đang sống với ông H. Khi ly hôn, bà đồng ý giao ba con chung cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn H trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án trình bày như sau: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, về con chung cũng như về tài sản chung, riêng và nợ chung như nguyên đơn trình bày là đúng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là kinh tế gia đình, nguyên đơn không chịu đựng được cực khổ nên đã tự ý bỏ nhà ra đi. Nay qua yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì còn thương vợ và con hiện còn nhỏ. Trường hợp ly hôn, bị đơn xin nuôi dưỡng cả ba con và không ý kiến gì về vấn đề cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H. Về con chung: Giao cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 20/10/2015, Võ Quốc C, sinh ngày 21/11/2017 và Võ Thị Kim M, sinh ngày 28/4/2019 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Hà Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn H nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông H có nơi cư trú tại ấp Q, xã T, huyện V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Ông H vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H là có cơ sở.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa ông bà không hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do kinh tế gia đình nghèo khó, con cái đông nên ông H không chăm lo được chu toàn cho vợ con, vợ chồng ông bà cũng không cùng nhau cảm thông chia sẻ lúc khó khăn dẫn đến ngày càng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên cự cãi. Nên bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Từ khi ly thân cả hai không gặp nhau cũng như không có biện pháp hàn gắn tình cảm, cho thấy hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông H có ba con chung là Võ Thành Đ, sinh ngày 20/10/2015, Võ Quốc C, sinh ngày 21/11/2017 và Võ Thị Kim M, sinh ngày 28/4/2019. Từ khi ly thân đến nay ba cháu sống với ông H. Khi ly hôn, bà T đồng ý giao con chung cho ông H nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Xét về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ly thân đến nay ba con do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho ba con nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T giao ba con chung cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án bà T tự nguyện giao ba con chung cho ông Hữu nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, ông H cũng không có ý kiến hay yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc bà T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc T đối với bị đơn ông Võ Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hà Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 20/10/2015, Võ Quốc C, sinh ngày 21/11/2017 và Võ Thị Kim M, sinh ngày 28/4/2019 cho ông Võ Văn H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi ba con chung đủ 18 tuổi. Bà Hà Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hà Thị Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu. Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hà Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006144 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà T đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND h. Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS h. Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào

